

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **9107** /BTC-KTN

Hà Nội, ngày **24** tháng 6 năm 2025

V/v xin ý kiến góp ý dự thảo Thông tư quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ các giải thi đấu thể thao tổ chức tại Việt Nam (thay thế Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL).

Kính gửi:



- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương.

Căn cứ quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, trên cơ sở đề nghị của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc đánh giá tình hình thực hiện và đề xuất sửa đổi Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao, Bộ Tài chính dự thảo Thông tư quy định về chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao (Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Cổng Thông tin điện tử của Bộ Tài chính).

Đề nghị quý Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương cho ý kiến tham gia bằng văn bản đối với dự thảo Thông tư nêu trên và đánh giá tác động về ngân sách của dự thảo Thông tư đối với việc tổ chức các giải thi đấu thể thao thuộc phạm vi quản lý và gửi về Bộ Tài chính **trước ngày 5 tháng 7 năm 2025**.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp công tác của quý cơ quan, địa phương. /

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ Tài chính (để đăng Website);
- Các Vụ: I, NSNN, PC;
- Lưu: VT, KTN (8b). *kh*

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Bùi Văn Khăng

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2025/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính năm 2024;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao ngày 14 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính – Kinh tế ngành,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao cấp quốc gia, khu vực, châu lục và thế giới được quy định tại Điều 13 và Điều 37 Luật Thể dục, thể thao năm 2006 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 và khoản 14 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thể dục, thể thao năm 2018, tổ chức tại Việt Nam và có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây gọi là giải thi đấu thể thao).

2. Thông tư này không áp dụng đối với các giải thi đấu thể thao của lực lượng vũ trang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các Bộ, cơ quan, đơn vị, địa phương được giao nhiệm vụ, kinh phí ngân sách nhà nước tổ chức các giải thi đấu thể thao quy định tại Điều 1 Thông tư này.

2. Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức và các Tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, hội thi thể thao;

3. Thành viên Ban tổ chức và các Tiểu ban chuyên môn từng giải thi đấu;

4. Trọng tài, giám sát điều hành, thư ký các giải thi đấu;

5. Vận động viên, huấn luyện viên;
6. Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan hoặc phục vụ tại các điểm tổ chức thi đấu.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Kinh phí chi trả cho các nội dung quy định tại Thông tư này thực hiện theo quy định tại Điều 64 Luật Thể dục, thể thao.

2. Kinh phí bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành, trong đó:

a) Cơ quan chủ trì tổ chức giải thi đấu thể thao chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí đảm bảo cho công tác tổ chức giải trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước giao và các nguồn thu huy động được. Ngân sách Trung ương không chi hỗ trợ cho việc tổ chức giải thi đấu cấp khu vực, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

b) Cơ quan cử vận động viên tham gia thi đấu chịu trách nhiệm cân đối nguồn kinh phí cho việc đi lại, ăn, thuê chỗ nghỉ và các chế độ theo quy định đối với vận động viên, huấn luyện viên và các cán bộ thuộc đoàn thể thao được cử tham gia thi đấu.

Điều 4. Nội dung chi và mức chi

1. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

a) Đối tượng và mức chi:

Số TT	Đối tượng	Mức chi tối đa (đồng/người)
I	Đại hội, giải thi đấu thể thao cấp quốc gia	
1	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, Trưởng các tiểu ban chuyên môn và Phó trưởng các tiểu ban chuyên môn	240.000/ngày
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	200.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (không bao gồm môn bóng đá và môn futsal)	240.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác	170.000/buổi
5	Công an, nhân viên y tế, nhân viên phục vụ, lực lượng làm nhiệm vụ trật tự, bảo vệ	100.000/buổi
6	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc)	
a	Người tập	
-	Tập luyện	60.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	80.000/buổi
-	Chính thức	140.000/buổi
b	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	120.000/buổi

Số TT	Đối tượng	Mức chi tối đa (đồng/người)
7	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên môn bóng đá tại Đại hội thể thao toàn quốc; giải bóng đá trẻ quốc gia	
a	Giải bóng đá nam, nữ	
-	Trọng tài chính	400.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	270.000/buổi
-	Điều phối viên	200.000/buổi
b	Giải futsal nam, nữ và bãi biển	
-	Trọng tài chính	270.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	200.000/buổi
-	Điều phối viên	150.000/buổi
II	Đại hội, giải thi đấu thể thao cấp khu vực, châu lục và thế giới ở Việt Nam	
1	Quan chức, giám sát, trọng tài người nước ngoài; giám sát, trọng tài quốc tế người Việt Nam do Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế phong cấp và điều động	Theo quy định hoặc thông lệ của các Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế
2	Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, trưởng, phó các tiểu ban (người Việt Nam, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này)	510.000/ngày
3	Thành viên các tiểu ban	290.000/ngày
4	Giám sát, trọng tài chính (người Việt Nam, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Mục này)	340.000/buổi
5	Trọng tài, thư ký	170.000/buổi
6	Các đối tượng khác (người Việt Nam)	Theo chế độ quy định tại mục I bảng này

b) Danh sách đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ quy định tại điểm a Khoản này theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;

c) Nguyên tắc chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thi đấu:

- Được tính theo ngày làm nhiệm vụ thực tế, hoặc theo buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế. Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất, đồng thời không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ. Người đã hưởng chế độ phụ cấp lưu trú thì không được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ và ngược lại.

2. Chi tiền ăn, ở, đi lại của các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này (trừ người tham gia đồng diễn, diễn hành, xếp hình, xếp chữ):

a) Đối với thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức, các tiểu ban chuyên môn, trọng tài và giám sát người Việt Nam: Thực hiện theo chế độ công tác phí quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị, được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ Tài chính.

b) Đối với quan chức, trọng tài, giám sát người nước ngoài; trọng tài, giám sát người Việt Nam do Liên đoàn, Hiệp hội thể thao quốc tế phong cấp và điều động: Thực hiện theo thực tế nhưng không được vượt quá quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước.

3. Chi thù lao sáng tác, dàn dựng, đạo diễn các màn đồng diễn (đối với các Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao toàn quốc): Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 21/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về nhuận bút, thù lao đối với tác phẩm điện ảnh, mỹ thuật, nhiếp ảnh, sân khấu và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác.

4. Các khoản chi khác: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, đối với các nội dung chưa được quy định mức chi tại Thông tư này và các văn bản pháp luật khác thì thực hiện theo hóa đơn, chứng từ hợp pháp:

a) Các chế độ cho huấn luyện viên, vận động viên thể thao trong thời gian tập trung tập huấn và thi đấu, các chế độ, chính sách đối với vận động viên thể thao thành tích cao và huấn luyện viên thể thao thành tích cao.

b) Chi dịch thuật: Thực hiện theo quy định tại Điều 11 Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước.

c) Chi tổ chức lễ khai mạc, bế mạc, trang trí, thuê trang phục, đạo cụ;

d) Chi thuê phương tiện truyền thông, tuyên truyền, hợp báo, hội nghị, hội thảo, tập huấn trọng tài.

đ) Chi phí đi lại, thuê phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị phục vụ công tác tổ chức giải.

e) Chi làm huy chương, cờ, cúp;

g) Chi in vé, giấy mời;

h) Chi thuê địa điểm, tiền điện, nước tại địa điểm thi đấu;

i) Chi khám phân loại thương tật (đối với các giải thể thao người khuyết tật);

k) Các khoản chi khác theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

5. Đối với các nội dung chi cần phải đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 5. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước

Việc lập dự toán, chấp hành ngân sách nhà nước và quyết toán kinh phí thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, luật kế toán, luật thể dục, thể thao và pháp luật có liên quan. Thông tư này hướng dẫn thêm một số nội dung như sau:

1. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch, nhiệm vụ tổ chức các giải thi đấu thể thao được cấp có thẩm quyền phê duyệt, dự kiến nguồn thu từ bán vé xem thi đấu, tài trợ, quảng cáo, bán bản quyền phát thanh, truyền hình và các nguồn thu hợp pháp khác (nếu có), cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức giải lập dự toán chi ngân sách trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định hiện hành.

2. Căn cứ dự toán chi ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền giao, Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan trung ương và các địa phương phân bổ và giao dự toán chi tổ chức các giải thi đấu thể thao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc để thực hiện theo quy định.

3. Sau khi kết thúc giải, trong thời hạn tối đa 30 ngày, Ban Tổ chức giải thi đấu thể thao có trách nhiệm tập hợp chứng từ thu, chi và quyết toán kinh phí theo đúng các quy định về chế độ quản lý tài chính hiện hành, tổng hợp vào báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước của cơ quan, đơn vị theo quy định của luật kế toán, chế độ kế toán hiện hành.

Trường hợp nguồn ngân sách nhà nước giao đã đảm bảo kinh phí tổ chức giải thi đấu theo chế độ quy định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, thì kinh phí huy động, đóng góp, ủng hộ, tài trợ phải nộp ngân sách nhà nước (trừ các nội dung thực hiện theo yêu cầu riêng của nhà tài trợ, đóng góp, ủng hộ căn cứ hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận theo quy định của pháp luật).

4. Kinh phí sự nghiệp thực hiện các giải thi đấu quy định tại Thông tư này được hạch toán vào chương, loại, khoản, chi tiết theo mục, tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2025 và thay thế các nội dung thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tài chính tại Thông tư liên tịch số 200/2011/TTLT-BTC-BVHTTDL ngày 30/12/2011 của Bộ Tài chính, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chế độ chi tiêu tài chính đối với các giải thi đấu thể thao.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Kể từ thời điểm chế độ tiền lương do Chính phủ quy định theo Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 21 tháng 5 năm 2018 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp có hiệu lực thi hành, không áp dụng nội dung chi tại khoản 1 Điều 4 Thông tư này đối với các đối tượng hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

4. Các giải thi đấu thể thao thuộc thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và quy định tại Thông tư này.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thi đấu thể thao do địa phương tổ chức để thực hiện cho phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương, tình hình thực tế và tính chất của từng giải. Ngân sách trung ương không chi hỗ trợ cho việc tổ chức các giải thi đấu do các địa phương quyết định tổ chức.

6. Đối với các giải thể thao quần chúng do cơ quan, tổ chức quyết định tổ chức, các hội thi thể thao, giải thể thao khác do Bộ, ngành, địa phương tổ chức theo quy định của Luật Thể dục, thể thao (trừ các giải thể thao đã quy định tại khoản 1 Điều 4): Cơ quan, tổ chức phê duyệt mức chi đối với giải thi đấu thuộc phạm vi quản lý phù hợp với khả năng cân đối, nguồn kinh phí thực hiện từ dự toán chi thường xuyên giao tự chủ, quỹ phúc lợi của cơ quan, tổ chức, nguồn tài trợ, viện trợ và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, ngân sách nhà nước không bố trí kinh phí riêng.

7. Đối với các giải thi đấu, trận thi đấu do các Liên đoàn thể thao, Hiệp hội thể thao tổ chức hoặc đăng cai tổ chức: Liên đoàn thể thao, Hiệp hội thể thao tự cân đối kinh phí tổ chức giải, ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) cho các nhiệm vụ do Nhà nước giao theo quy định của pháp luật hiện hành. Đối với phần kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ (nếu có) thực hiện theo quy định tại Thông tư này.

8. Đối với kinh phí tổ chức các giải thi đấu thể thao năm 2025, các cơ quan, đơn vị chủ động sắp xếp trong phạm vi dự toán đã được cấp có thẩm quyền giao năm 2025.

9. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư; Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Tài chính, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo, Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT, các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, KTN. (..... bản)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Bùi Văn Kháng